

Bản án số: 111/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 - 8 - 2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đàm Văn Kiều, bà Dương Thị Vui.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Công Trình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa:*  
Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 28/8/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy N; sinh năm 1998;

Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn S; sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị N, anh S (chị N xin vắng mặt, anh S vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện chị kết hôn với anh Trần Văn S vào ngày 25/11/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do anh S bỏ đi làm ăn không quan tâm gì đến gia đình. Hiện hai anh chị đang sống ly thân nhau. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh S không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết ly hôn với anh Trần Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là cháu Trần Anh K, sinh ngày 07/10/2017. Hiện nay cháu đang ở cùng chị N. Sau khi ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu K và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi nhưng anh S không đến làm việc. Tại các buổi làm việc với Tòa án, bà Phạm Thị H là mẹ đẻ của bị đơn anh Trần Văn S trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn phía bị đơn đồng ý với quan điểm của chị N. Về tình cảm anh S cũng xác định giữa anh và chị N có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc hai bên bất đồng quan điểm. Nay chị N xin ly hôn phía bị đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh S và chị N có 01 con chung là cháu Trần Anh K, sinh ngày 07/10/2017, hiện nay cháu đang ở cùng chị N phía bị đơn không có ý kiến gì về việc nuôi và cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị N có mặt, anh S vắng mặt. Chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh S theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị N xin giải quyết vắng mặt, anh S đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị N đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về nội dung: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy N, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Trần Văn S. Giao con chung là Trần Anh K, sinh ngày 07/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng, anh S

không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Chị N đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Trần Văn S là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, anh chị hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc và hiện tại đang sống ly thân nhau.

Về phía anh S, mặc dù anh biết việc chị N xin ly hôn, đã được Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh S vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị N nữa. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh S vẫn vắng mặt. Chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh S nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị N, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N và anh S có 01 con chung là cháu Trần Anh K, sinh ngày 07/10/2017, hiện nay cháu đang ở cùng chị N. Sau khi ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu K và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung, phía bị đơn không có ý kiến gì về việc nuôi và cấp dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy chị N hiện có nhiều điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên giao con chung là cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Trần Văn S.

3. Về con chung: Giao con chung là Trần Anh K, sinh ngày 07/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thúy N phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001347 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị Thúy N và Anh Trần Văn S được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Vũ Văn Anh**